TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9-2025
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Duyên
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Sỉ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 309/2025/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: số D ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là số D ấp P, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long). *Xin vắng mặt*.

Bị đơn: Anh Phạm Thanh T1, sinh năm 1988; địa chỉ: 4 ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là số D ấp P, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long). *Vắng mặt không có lý do*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/5/2025, bản tự khai ngày 05/8/2025 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân, chị và anh Phạm Thanh T1 tiến tới hôn nhân là do quen biết, có tìm hiểu nhau một thời gian và tự nguyên tiến tới hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Vĩnh Long) ngày 06/12/2011 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Kết hôn xong vợ chồng sống chung, quá trình sống chung, vợ chồng có hạnh phúc một thời gian, tuy nhiên thời gian sau này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau về nhiều vấn đề trong cuộc

sống gia đình nhưng giữa chị và anh Phạm Thanh T1 không hàn gắn được tình cảm. Chị và anh Phạm Thanh T1 đã không còn sống chung với nhau từ tháng 11/2022 cho đến nay, từ khi không còn sống chung giữa chị và anh Phạm Thanh T1 không có hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng dành cho anh Phạm Thanh T1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Thanh T1. Chị không yêu cầu anh Phạm Thanh T1 cấp dưỡng cho chị khi ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung Phạm Thị Cẩm N, sinh ngày 06/3/2012, từ khi chị và anh Phạm Thanh T1 không còn sống chung thì con chung sống chung với anh Nguyễn Thanh T2, cháu N được anh T2 chăm sóc phát triển đầy đủ mọi mặt. Khi ly hôn chị yêu cầu anh T2 tiếp tục trực tiếp nuôi con để cháu N tiếp tục thích nghi môi trường sống của mình, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Thanh T1 vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án triệu tập, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 51, 53, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T đối với anh Phạm Thanh T1, cụ thể:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Phạm Thanh T1. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

- Về con chung: giao con chung Phạm Thị Cẩm N, sinh ngày 06/3/2012 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án có quan hệ pháp luật là "tranh chấp ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Phạm Thanh T1 cư trú tại xã Đ, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long

theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 85/2025/QH15 ngày 26/6/2025).

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm Thanh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị T và anh Phạm Thanh T1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng, chị Lê Thị T và anh Phạm Thanh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do đó, hôn nhân của chị Lê Thị T và anh Phạm Thanh T1 đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị Lê Thị T cho rằng, quá trình sống chung giữa chị và anh Phạm Thanh T1 có hạnh phúc một thời gian, sau đó thì không còn hạnh phúc do có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và đã không còn sống chung với nhau một khoảng thời gian nhưng không có hàn gắn tình cảm.

Đối với anh Phạm Thanh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và các phiên tòa xét xử. Như vậy, có cơ sở xác định anh Phạm Thanh T1 không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng với chị Lê Thị T. Qua kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Phạm Thanh T1 cho thấy lời trình bày của chị Lê Thị T về mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của chị T và anh Phạm Thanh T1 là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T đối với anh Phạm Thanh T1. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, do chị Lê Thị T không yêu cầu và không ghi nhận được ý kiến của anh Phạm Thanh T1 nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Phạm Thanh T1 có 01 con chung là Phạm Thị Cẩm N, sinh ngày 06/3/2012. Con chung hiện đang sống chung với anh Phạm Thanh T1, chị Lê Thị T yêu cầu anh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Thấy rằng, từ khi chị Lê Thị T và anh Phạm Thanh T1 không còn sống chung thì anh Phạm Thanh T1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Thanh T1 không có ý kiến gì đối với việc chị Lê Thị T yêu cầu anh Phạm Thanh T1 nuôi con. Xét thấy, để đảm bảo sự ổn định và hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con chung. Vì vậy, giao con chung Phạm Thị Cẩm N cho anh Phạm Thanh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do không ghi nhận được ý kiến của anh Phạm Thanh T1 về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, chị Lê Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, anh T1 được quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Chị Lê Thị T trình bày không yêu cầu giải quyết, đối với anh Phạm Thanh T1 không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Lê Thị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, đối với anh Phạm Thanh T1 không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên chị Lê Thị T phải nộp án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[8] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 85/2025/QH15 ngày 26/6/2025).

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T đối với anh Phạm Thanh T1. Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Phạm Thanh T1.

Chị Lê Thị T không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Phạm Thị Cẩm N, sinh ngày 06/3/2012 cho anh Phạm Thanh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chị Lê Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về chia tài sản chung: Chị Lê Thị T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phạm Thanh T1 không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Lê Thị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phạm Thanh T1 không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012423 ngày 20/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, án phí đã nộp đủ.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND xã Đại Điền, tỉnh Vĩnh Long (nơi đăng ký kết hôn);
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9, thuộc THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hồ Văn Tú